

Bản án số: 267/2026/HS-ST

Ngày: 29 - 4 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Viết Hùng

Thẩm phán: Bà Lê Thị Thương Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tính.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Thúy.

3. Bà Huỳnh Thị Ngọc Liên.

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Văn Thăng - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Ông Phan Văn Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 1310/2025/HSST ngày 19/12/2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2157/2026/QĐXXST-HS ngày 01/4/2026 đối với bị cáo:

Nguyễn Gia M; sinh ngày 27/5/1981 tại tỉnh Quảng Nam (nay là Thành phố Đà Nẵng); CCCD số: 04908100xxxx; nơi thường trú: khối phố X, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam (nay là phường H, Thành phố Đà Nẵng); nghề nghiệp: thợ tiện, lao động phổ thông; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn S và bà Phan Thị Bích L; có vợ là bà Trương Ngọc Kim N và 01 con (sinh năm 2016); tiền án: không; tiền sự: không;

Bị bắt, tạm giam ngày: 03/11/2024 đến nay - tại Trại tạm giam Số 2, Công an Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Những người tham gia tố tụng khác:

- Người bào chữa:

Ông Đoàn Văn A là luật sư của Công ty Luật hợp danh N thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Dương (nay là Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh) bào chữa chỉ định bị cáo Nguyễn Gia M (có mặt).

- Bị hại:

Ông Trần Ngọc P; sinh năm: 2000;

Địa chỉ: Tổ 5, ấp A, xã A1, huyện C (nay là xã P), tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt).

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại Trần Ngọc P:*

Ông Hoàng Đình Quốc Đ và ông Trần Thái D là luật sư của Công ty Luật TNHH T thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (ông Đ vắng mặt, ông D có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 17/4/2023, Nguyễn Gia M liên hệ chị Nguyễn Thị Mỹ N, sinh năm 1990 để thuê nhà tại địa chỉ số 117/4, khu phố Tây Z, phường Đ, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương (nay là số 117/4 khu phố Tây Z, phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh) để đặt trụ sở Công ty Kinh doanh Vật liệu Xây dựng trong thời gian 02 năm, với giá thuê nhà là 7.000.000đ/tháng. Sau khi thuê nhà của chị N, Minh đăng ký thành lập Công ty TNHH Thiết kế Xây dựng Nguyễn Gia M, mở tài khoản ngân hàng, đăng ký séc rút tiền, thẻ ATM và khoảng cuối tháng 4/2023 Minh treo biển hiệu “Công ty TNHH Thiết kế xây dựng Nguyễn Gia M” ở trước nhà số 117/4 nhưng thực tế không có bất kỳ hoạt động kinh doanh vật liệu xây dựng nào tại địa chỉ này.

Do có nhu cầu mua vật liệu xây dựng (cát, sắt, thép, xi măng) và thi công thiết kế xây dựng “Nhà Tổ” tại tỉnh Đồng Tháp nên anh Trần Ngọc P (sinh năm 2000; nơi thường trú tại Tổ 5, ấp A, xã A1, huyện C, tỉnh Đồng Tháp; nay là ấp A, tỉnh Đồng Tháp) đăng nhập mạng Internet tìm kiếm thông tin “mua vật liệu xây dựng” thì tìm kiếm được thông tin Công ty TNHH Thiết kế Xây dựng Nguyễn Gia M và đại diện theo pháp luật của công ty là Nguyễn Gia M đang chào bán vật liệu xây dựng và thi công thiết kế xây dựng nhà với giá rẻ hơn giá thị trường nên P liên lạc qua số điện thoại 0986.839.xxx gặp Nguyễn Gia M thì Minh hẹn gặp anh P tại trụ sở Công ty TNHH Thiết kế xây dựng Nguyễn Gia M địa chỉ tại số 117/4, khu phố Tây Z, phường Đ, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương (nay là phường Đ, thành phố Hồ Chí Minh) để thỏa thuận về việc mua bán vật liệu xây dựng. Khi đến nơi, anh P không thấy có vật liệu xây dựng tại trụ sở công ty nên hỏi Minh thì Minh trả lời là “để hàng ở kho, khi nào giao tiền sẽ cho người đến kho chở hàng giao cho anh P”. Tiếp đó Minh yêu cầu anh P chuyển khoản cho Minh số tiền 568.084.000đ cho Minh trước, Minh sẽ xuất hóa đơn và giao hàng cho anh P sau. Do tin tưởng là thật nên anh P đồng ý rồi anh P liên hệ với anh Lý Minh H (sinh năm: 2000; nơi thường trú tại xã A1, huyện C, tỉnh Đồng Tháp, nay là xã H, tỉnh Đồng Tháp) mượn tiền thanh toán cho M, H đồng ý cho mượn tiền nên đã liên hệ Mạch Văn T (sinh năm: 2000; nơi thường trú phường M, quận G, thành phố Hồ Chí Minh; nay là phường T, thành phố Hồ Chí Minh) chuyển số tiền 568.084.000đ vào số tài khoản 61166662266669 mở tại Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) đứng tên Trần Ngọc P. Ngay sau đó, anh P tiếp tục chuyển khoản 568.084.000đ vào số tài khoản 843384338 mở tại Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB) – Phòng giao dịch Dĩ An đứng tên Công ty Nguyễn Gia M.

Ngay sau khi nhận được tiền, Nguyễn Gia M lấy lý do là có nhân viên giao hàng (Grab) đến giao hàng nên Minh phải đi ra phía ngoài nhận hàng dùm cho vợ rồi lợi dụng

lúc anh P không để ý, Minh đã tẩu thoát. Còn anh P do không thấy Minh giao hàng như thỏa thuận nên đến Công an trình báo.

Qua điều tra và đã xác minh trong cùng ngày 13/6/2023, M đã thực hiện 01 giao dịch rút séc, 02 giao dịch rút tiền mặt; ngày 14/6/2025, M đã thực hiện 01 giao dịch rút tiền mặt các trụ ATM, cụ thể như sau:

- M đưa Séc chuyển tiền số AA 20028716 (M đã ký và đóng dấu công ty trước, chưa ghi thông tin người nhận tiền và số tiền) cho chị Kiều Thị Hương G (là chị em họ vợ của M) và nhờ chị G đến Phòng giao dịch Hàng Xanh - Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB) rút dùm số tiền 450.000.000 đồng. Chị G đồng ý và đi đến Ngân hàng TMCP Á Châu – PGD Hàng Xanh. Tại đây, chị G viết thông tin còn thiếu trên tờ séc: “Kiều Thị Hương G”, “Bốn trăm năm mươi triệu đồng”, “130623”, “450.000.000đ” và ký tên Kiều Thị Hương G phía dưới mục “Người lĩnh tiền”. Sau khi rút được 450.000.000 đồng, chị G giao toàn bộ số tiền trên cho Minh;

- Rút số tiền 30.000.000 đồng tại trụ ATM PGD B, địa chỉ tại số 246, VĐT, khu phố S, phường B, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh (nay là số 246, VĐT, khu phố S, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh);

- Rút số tiền 60.000.000 đồng tại trụ ATM PGD Lái Thiêu, địa chỉ: 188A, đường ĐT745, LT, TA, Bình Dương (nay là 188A, đường ĐT745, phường LT, Thành phố Hồ Chí Minh);

- Rút số tiền 27.600.000 đồng tại trụ ATM PGD B, địa chỉ tại số 246, Vành Đai Trong, khu phố S, phường B, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh (nay là số 246, Vành Đai Trong, khu phố S, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh);

Sau khi chiếm đoạt số tiền trên, Nguyễn Gia M bỏ trốn đến ngày 03/11/2024 thì bị bắt.

Quá trình điều tra, M nhiều lần thay đổi lời khai và cho rằng M chỉ là người đứng tên dùm công ty cho Võ Thanh H để H mua bán hóa đơn; bản thân không giao dịch với anh Trần Ngọc P và không chiếm đoạt tiền số tiền nêu trên. Tuy nhiên, khi thực hiện đối chất giữa M với H thì M thừa nhận chỉ một mình thực hiện hành vi phạm tội như kết luận của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hồ Chí Minh.

Về thu giữ vật chứng:

Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương (nay là Công an Thành phố Hồ Chí Minh) không thu giữ đồ vật, tài liệu gì khác.

Về yêu cầu bồi thường dân sự:

Anh Trần Ngọc P yêu cầu Nguyễn Gia M bồi thường số tiền 568.084.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 332/CT-VKS-P2 ngày 12/12/2025 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Nguyễn Gia M về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, vai trò của bị cáo, giữ quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Gia M từ 12 năm đến 14 năm tù, về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”;

- Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Gia M bồi thường cho bị hại Trần Ngọc P toàn bộ số tiền 568.084.000 đồng bị chiếm đoạt.

- Về vật chứng: Đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày: về tội danh thì luật sư không có ý kiến nhưng hồ sơ còn mâu thuẫn một số vấn đề nên cần làm rõ hơn chứng cứ giao nhận tiền giữa Kiều Thị Hương G và bị cáo. Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại Trần Ngọc P thống nhất về tội danh và khung hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị. Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải bồi thường toàn bộ số tiền chiếm đoạt của bị hại 568.084.000 đồng.

- *Kiểm sát viên đối đáp:* kết quả đối chất với Võ Thanh H thì bị cáo M thừa nhận bị cáo thực hiện hành vi phạm tội; đối chất với Kiều Thị Hương G thì G cũng thừa nhận bị cáo M nhờ G rút tiền và đưa tiền cho M. Do đó, có căn cứ để buộc tội bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Lời nói sau cùng: Bị cáo nhận thức được hành vi của mình, đề nghị Hội đồng xét xử giảm hình phạt để sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, các cơ quan tiến hành tố tụng gồm Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh và Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã thực hiện đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Các quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can, lệnh tạm giam và các biện pháp tố tụng khác đều được ban hành hợp pháp, được Viện kiểm sát phê chuẩn kịp thời. Quá trình giải quyết vụ án, bị cáo, bị hại và những người liên quan không có khiếu nại về tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử xác định các thủ tục tố tụng trong vụ án là hợp pháp, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

[2] Về hành vi phạm tội và điều luật áp dụng:

Tại phiên tòa, trong phần xét hỏi, bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội. Tuy nhiên, tại phần tranh luận, bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng đã truy tố và xin được giảm nhẹ hình phạt. Căn cứ vào lời khai của bị cáo Nguyễn Gia M tại cơ quan điều tra; lời khai của bị hại Trần Ngọc P; lời khai của những người có liên

quan; cùng các tài liệu, chứng cứ khách quan đã được thu thập hợp pháp trong hồ sơ vụ án như sao kê tài khoản ngân hàng và các chứng cứ khác, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Vào khoảng tháng 4/2023, Nguyễn Gia M liên hệ chị Nguyễn Thị Mỹ N, thuê mặt bằng tại địa chỉ: 117/4, khu phố Tây Z, phường Đ, TP.Dĩ An, tỉnh Bình Dương (nay là 117/4, khu phố Tây Z, phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh) để thành lập Công ty TNHH Thiết kế xây dựng Nguyễn Gia M. Để tạo dựng niềm tin, bị can M đặt biển hiệu “Công ty TNHH Thiết kế xây dựng Nguyễn Gia M, MST: 37031243xx”, nhưng thực tế Công ty không có hoạt động kinh doanh vật liệu xây dựng nào tại địa chỉ này.

Ngày 13/6/2023, anh Trần Ngọc P liên hệ Nguyễn Gia M để mua vật liệu xây dựng. Bị can M yêu cầu anh P chuyển tiền trước vào tài khoản số: 843384338 mở tại Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB) - Phòng giao dịch Dĩ An với số tiền 568.084.000 đồng. Ngay sau khi nhận được tiền, M đã bỏ đi khỏi địa chỉ trên và cắt đứt liên lạc với anh P và chiếm đoạt toàn bộ số tiền trên.

Có đủ căn cứ kết luận bị cáo Nguyễn Gia M đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội:

Hành vi của bị cáo Nguyễn Gia M là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo đã có sự chuẩn bị từ trước bằng việc thuê địa điểm, thành lập công ty, treo bảng hiệu nhằm tạo dựng lòng tin giả tạo đối với khách hàng, sau đó lợi dụng nhu cầu mua vật liệu xây dựng của bị hại để đưa ra thông tin gian dối, yêu cầu chuyển tiền trước rồi chiếm đoạt.

Hành vi phạm tội của bị cáo thể hiện rõ tính chất có tính toán, thủ đoạn tinh vi, lợi dụng pháp nhân doanh nghiệp làm công cụ phạm tội, gây thiệt hại đặc biệt lớn với số tiền 568.084.000 đồng. Sau khi chiếm đoạt tài sản, bị cáo nhanh chóng thực hiện nhiều giao dịch rút tiền nhằm tẩu tán tài sản và bỏ trốn trong thời gian dài, thể hiện ý thức chiếm đoạt đến cùng. Do đó, cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nhằm răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, ban đầu bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội; tuy nhiên, về sau bị cáo đã khai báo rõ hành vi phạm tội của mình. Tại phiên tòa, trong phần tranh luận, bị cáo thành khẩn thừa nhận hành vi phạm tội, thể hiện sự ăn năn, hối cải. Do đó, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết tăng nặng: bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người có ích, đồng thời phòng ngừa chung.

[5] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

Đối với số tiền 568.084.000 đồng bị cáo đã chiếm đoạt của anh Trần Ngọc P, đây là thiệt hại thực tế do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, bị cáo có nghĩa vụ hoàn trả toàn bộ cho bị hại. Do đó, cần buộc bị cáo Nguyễn Gia M bồi thường cho anh Trần Ngọc P số tiền nêu trên là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật.

Về vật chứng: quá trình điều tra không thu giữ được vật chứng liên quan, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về các vấn đề khác có liên quan:

Đối với Võ Thanh H không liên quan đến vụ án nên không đặt ra xem xét, hành vi của Kiều Thị Hương G rút tiền dùm cho Nguyễn Gia M hoàn toàn không biết nguồn gốc tiền, không bàn bạc với M không liên quan đến vụ án nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không xử lý là có căn cứ.

Đối với các cá nhân có liên quan khác như anh Lý Minh H, Mạch Văn T chỉ tham gia với vai trò cho mượn tiền, chuyển tiền giúp, không biết hành vi phạm tội của bị cáo nên không xem xét xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Gia M 12 (mười hai) năm tù, về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 03/11/2024.

- Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 587, Điều 589 của Bộ luật Dân sự;

Buộc bị cáo Nguyễn Gia M bồi thường cho bị hại Trần Ngọc P số tiền 568.084.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành các khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 26.723.360 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui

định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TC; (1)
- TPT TAND TC tại TP.HCM; (1)
- VKSND-TP.HCM; (3)
- THA-DS; (1)
- THA HS; (2)
- Phòng PV 06 - CA TP. HCM; (1)
- Công an TP.HCM; (1)
- Sở Tư pháp; (1)
- Trại tạm giam; (1)
- Bị cáo; (1)
- Bị hại; (1)
- Luật sư; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (1)
- Lưu, hình sự, hồ sơ; (20) (4)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Viết Hùng